

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 16 - 5 -2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Hiếu**

*Các Thẩm phán:* Bà **Trần Thị Kim Em**

**Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*  
Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 tranh chấp **về việc** “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án **hôn nhân và gia đình** sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

*- Bị đơn:* **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp P, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1945(có mặt).

3/ **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn G.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm,*

*Nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:* Do mai mối nên anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào năm 2011. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh và chị H đã ly thân từ đó đến nay không còn lui tới nữa.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Quang P, sinh ngày 31/3/2015. Hiện đang sống cùng chị H. Anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang V, sinh ngày 16/12/2011. Anh đồng ý giao con chung Nguyễn Quang P, sinh ngày 31/3/2015 cho chị H nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về nợ chung: Anh và chị H không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Về tài sản chung gồm:

1/ 01 căn nhà cấp 4, kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tole, nền gạch bông, ngang 5,1m, dài 22m, được xây dựng nhờ trên đất của cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1.

2/ Đồ đạc trong nhà gồm: 01 tủ nhôm; 01 tivi 40 inch; 01 tivi 32 inch; 01 tủ lạnh; 02 cái bàn tròn; 01 lò vi sóng; 01 mái hiên di động; 01 bàn dài inox; 01 bàn tròn inox và 01 giường hộp. Anh sẽ nhận hiện vật là căn nhà và vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Anh đồng ý hoàn lại ½ giá trị tài sản chung bằng tiền cho chị H.

Đối với phần đất gắn liền với căn nhà là thuộc quyền sử dụng của cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn G, không phải tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị H.

Phần tiền xây dựng nhà khoảng 350.000.000 đồng thì cha mẹ vợ của anh cho khoảng 300.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Vì đây là tiền cho luôn vợ chồng anh nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim A.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn tiền bạc, đồng thời anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không quan tâm chăm sóc vợ con.

Về tài chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được tài sản chung gồm:

1/ 01 căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tole, nền gạch bông. Nguồn gốc căn nhà do vợ chồng xây dựng bằng nguồn tiền vợ chồng dành dụm mà có và mượn của bà Nguyễn Thị Kim A (mẹ ruột chị 100 chỉ vàng 24kr bán lấy tiền xây dựng nhà, giá trị tiền khoảng 300.000.000 đồng).

2/ Phần đất gắn liền với căn nhà có chiều ngang khoảng 9,5m chiều dài khoảng 35 m. Nguồn gốc đất của cha mẹ chồng (ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 cho nhưng không có làm giấy tờ gì và cũng chưa lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

3/ Vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ ly; 01 tủ nhôm; 01 tivi 40 inch; 01 tivi 32 inch; 01 tủ lạnh; 03 cái bàn tròn; 01 lò vi sóng; 01 mái hiên di động; 01 bàn dài inox và 01 giường hộp.

Chị yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  tài sản chung là căn nhà, phần đất gắn liền với căn nhà và những vật dụng sinh hoạt trong gia đình, chị đồng ý giao hiện vật cho anh T và xin nhận giá trị bằng tiền.

Về nợ chung: Chị và anh T có mượn bà Nguyễn Thị Kim A (mẹ ruột chị) số tiền 300.000.000 đồng (tương đương 100 chỉ vàng 24kr), mục đích mượn tiền là dùng để xây dựng căn nhà. Chị yêu cầu anh T phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền mượn để xây dựng nhà của bà Nguyễn Thị Kim A là 300.000.000 đồng mỗi người trả  $\frac{1}{2}$  tương ứng với số tiền 150.000.000 đồng.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Quang P, sinh ngày 31/3/2015, chị yêu cầu được nuôi hết 02 con chung. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng mỗi đứa 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu V, cháu P trưởng thành (tròn 18 tuổi).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:* Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Khi vợ chồng H, T còn sống chung với nhau, bà có cho vợ chồng H, T mượn 300.000.000 đồng (tương đương 100 chỉ vàng 24kr) để xây dựng căn nhà có kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tole, nền gạch bông để gia đình H, T ở. Do là **ch** mẹ con nên không có làm giấy tờ gì. Nay vợ chồng H, T ly hôn bà yêu cầu anh T trả cho bà 50 chỉ vàng 24kr (tương đương 50% nợ chung). Ngày 01/8/2017 bà thay đổi

yêu cầu độc lập, bà yêu cầu anh T trả cho bà 150.000.000 đồng (tương đương 50 chỉ vàng 24kr).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Ông bà là cha mẹ ruột của anh Nguyễn Quang T. Nay vợ chồng anh T, chị H ly hôn thì ông bà không có ý kiến gì về việc ly hôn giữa anh T và chị H.

Về phần tài sản chung của vợ chồng anh T, chị H ông bà có ý kiến như sau: Vào năm 2016 để tạo cho con cái có nơi ở, ông bà có cho vợ chồng T, H xây dựng nhà trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông bà 01 căn nhà. Ông bà xác định không có tặng cho quyền sử dụng phần đất cất nhà cho vợ chồng T, H. Nếu vợ chồng T, H ly hôn thì việc chia tài sản chung là căn nhà và vật dụng sinh hoạt có trong nhà theo lời trình bày của Nguyễn Quang T và Nguyễn Thị Ngọc H ông bà không có ý kiến gì. Đối với căn nhà trên đất sau này chia căn nhà cho ai thì người đó ở. Riêng phần đất gắn liền với căn nhà thì ông bà chỉ cho cất ở nhờ chứ không có sang tên chuyển quyền hoặc tặng cho nên đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị H.

Một số vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ ly, 01 cái bàn dài inox, 01 cái giường hộp, 01 cái bàn tròn inox là do vợ chồng ông bà cho Nguyễn Quang T và Nguyễn Thị Ngọc H. Đối với tài sản này ông bà không tranh chấp hay yêu cầu gì đồng thời xác định các tài sản là vật dụng gia đình nêu trên là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Quang T và Nguyễn Thị Ngọc H.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc H có ý kiến xin thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con chung, chị H chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Quang P, sinh ngày 31/3/2015, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 16/12/2011 với lý do chị đủ khả năng nuôi dưỡng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 55,56,58,59,60,62,81,82,83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 494; Điều 499 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về nuôi con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 16/12/2011 và Nguyễn Quang P, sinh ngày 31/3/2015 cho chị Nguyễn

Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quang T có nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Quang T cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Quang P, sinh ngày 31/3/2015 một tháng 650.000 đồng. Thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung: Xác định các tài sản được liệt kê sau đây:

+ 01 căn nhà chính kết cấu: Cột bê tông, vách tường, mái tôn, nền gạch men, có trần, khu phụ. Diện tích nhà chính là 136 m<sup>2</sup> (bút lục 74).

+ 01 mái che kết cấu: Cột, kèo thép, mái tôn, nền xi măng. Diện tích mái che là 54,6 m<sup>2</sup> (bút lục 74).

+ 01 mái che kết cấu: Cột, kèo thép, mái tôn, nền gạch men. Diện tích mái che là 12,6 m<sup>2</sup> (bút lục 74).

+ 01 tủ ly; 01 bàn dài; 01 tủ nhôm; 01 giường hộp; 01 tivi 40 inch hiệu ASANZO; 01 tivi 32 inch hiệu TOSHIBA; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA; 01 lò vi sóng PANASONIC; 03 bàn tròn (bút lục 76).

+ Phần đất có diện tích 192,5 m<sup>2</sup> (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (bút lục 80).

Là tài sản chung của vợ chồng anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Chia cho anh Nguyễn Quang T các tài sản gồm:

+ 01 căn nhà chính kết cấu: Cột bê tông, vách tường, mái tôn, nền gạch men, có trần, khu phụ. Diện tích nhà chính là 136 m<sup>2</sup> (bút lục 74).

+ 01 mái che kết cấu: Cột, kèo thép, mái tôn, nền xi măng. Diện tích mái che là 54,6 m<sup>2</sup> (bút lục 74).

+ 01 mái che kết cấu: Cột, kèo thép, mái tôn, nền gạch men. Diện tích mái che là 12,6 m<sup>2</sup> (bút lục 74).

+ 01 tủ ly; 01 bàn dài; 01 tủ nhôm; 01 giường hộp; 01 tivi 40 inch hiệu ASANZO; 01 tivi 32 inch hiệu TOSHIBA; 01 tủ lạnh hiệu TOSHIBA; 01 lò vi sóng PANASONIC; 03 bàn tròn (bút lục 76).

+ Phần đất có diện tích 192,5 m<sup>2</sup> (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (bút lục 80).

Buộc anh Nguyễn Quang T phải thôi trả, thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tương ứng ½ giá trị tài sản chung là 278.156.300 đồng.

Về nợ chung : chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A. Buộc anh Nguyễn Quang T trả cho bà Nguyễn Thị Kim A 150.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/01/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Quang T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được quyền nuôi con chung. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về tài sản chung là quyền sử dụng đất; không chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan Nguyễn Thị Kim A.

Ngày 31/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về chia tài sản là quyền sử dụng đất; vì quyền sử dụng đất là của ông, không phải là tài sản của vợ chồng T – H, nên không thể đem chia cho vợ chồng anh T, chị H.

Ngày 12/02/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có quyết định kháng nghị số 57/QĐKNPT-HNGĐ đối với bản án số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân huyện Cái Bè với nội dung đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử hủy phần nội dung về việc xác định, phân chia quyền sử dụng đất diện tích 192,5m<sup>2</sup> trong bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Quang T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do án sơ thẩm không đưa đầy đủ những người trong hộ ông Nguyễn Văn G tại thời điểm hộ ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lại xác định diện tích đất 192,5m<sup>2</sup> là tài sản chung của anh T và chị H là thiếu sót và cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng khác. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 57/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 12/02/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

## NHẬN ĐỊNH CỦA ÁN:

Về tố tụng án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản sau ly hôn” là có căn cứ theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/7/2017, vắng mặt bà Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 05/10/2017 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổ chức vào ngày 16/10/2017 (BL 93).

Đến ngày 16/10/2017 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/10/2017 do có đơn xin hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của anh Nguyễn Quang T. Thông báo ghi: Thời gian, địa điểm mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải sẽ được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè thông báo sau (BL 103). Ngày 17/10/2017 chị Nguyễn Thị Ngọc H giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và Tòa cấp sơ thẩm có lập biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ (BL 157). Nhưng sau đó Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành Thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, lại đưa vụ án ra xét xử là vi phạm Điều 208, Điều 210 và Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra trong vụ án, cấp sơ thẩm xác định về tài sản chung, ngoài những tài sản khác, anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền sử dụng phần diện tích đất 192,5m<sup>2</sup> (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (BL 80), nằm trong thửa số 28, tờ bản đồ số 18, diện tích đất 8.116,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện B, được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn G vào ngày 10/10/2013 (BL 77). Tại sổ hộ khẩu của hộ ông Nguyễn Văn G, thì thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn G gồm có 04 người: ông Nguyễn Văn G sinh năm 1945, bà Phạm Thị T1 sinh năm 1948, chị Nguyễn Thị C sinh năm 1974 và anh Nguyễn Quang T sinh năm 1983 (BL 39). Cấp sơ thẩm không đưa chị Nguyễn Thị C vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Do có vi phạm và thiếu sót nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Quang T và ông Nguyễn Văn G.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 57/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 12/02/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Hủy bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/Về án phí: Hoàn lại anh Nguyễn Quang T và ông Nguyễn Văn G mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 08162 và 08163, ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Hiếu**